

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/02/2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng, bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 629/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Văn M**, sinh năm 1975

ĐKKHKT và cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1978

ĐKKHKT: Thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú : Đài Loan.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn anh Phan Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 29/03/1999 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách khác nhau không thể hòa hợp được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến năm 2017 anh và chị H sống ly thân, sau đó chị H sang Đài Loan lao động. Thời gian mới sang Đài Loan chị H thỉnh thoảng có gọi điện về cho anh nhưng sau đó khoảng 1 năm thì chị H không liên lạc về nữa. Đến nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Phan Huy H1, sinh ngày 29/02/2000 và Phan Thị T, sinh ngày 23/03/2004. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị C trình bày. Bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị H. Chị H và anh M kết hôn năm 1999. Sau khi kết hôn chị H, anh M chung sống ở Miếu L, Đ, N, Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách. Năm 2017 chị H bỏ về nhà bà sau đó sang Đài Loan lao động đến nay vẫn chưa về. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại nhưng không cho bà biết địa chỉ của chị H ở đó. Nay anh M làm đơn để giải quyết việc ly hôn, bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị H. Bà đã thông báo cho chị H biết chị H có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và xin vắng mặt tại Tòa án. Chị H và anh M có hai con chung là Phan Huy H1, sinh ngày 29/02/2000 và Phan Thị T, sinh ngày 23/03/2004, hiện nay các cháu đều đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã Đ: Xác định thời điểm chị H, anh M đăng ký kết hôn như anh M cung cấp với Tòa án là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở Miếu L, Đ, N, Hải Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên năm 2017 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống sau đó đi lao động ở Đài Loan đến nay vẫn chưa về. Anh M, chị H có hai con chung là Phan Huy H1, sinh ngày 29/02/2000 và Phan Thị T, sinh ngày 23/03/2004, hiện nay các cháu đều đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Theo xác minh tại Cục Q: Chị Trần Thị H xuất cảnh lần gần nhất ngày 25/06/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho anh Phan Văn M ly hôn chị Trần Thị H; Về con chung: Không giải quyết; Về án phí: Anh M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn anh Phan Văn M có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn chị Trần Thị H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn M và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/03/1999 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Anh M trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về tính cách, quan điểm sống. Năm 2017 anh và chị H đã sống ly thân, sau đó chị H đi lao động ở Đài Loan, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Đến nay anh xác định vợ

chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H. Chị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của chị H trình bày về mâu thuẫn và thời điểm sống ly thân của anh M chị H phù hợp với lời khai của anh M. Do đó đủ cơ sở xác định quá trình anh M, chị H chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, xử cho anh M được ly hôn chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh M, chị H có 02 con chung là Phan Huy H1, sinh ngày 29/02/2000 và Phan Thị T, sinh ngày 23/03/2004, hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn M, xử cho anh Phan Văn M ly hôn chị Trần Thị H.

2. Án phí: Anh Phan Văn M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005357 ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, anh M đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền

kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đường sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đ, N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy